

# TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA CÔNG NGHỆ, TRUYỀN THÔNG SỐ ĐẾN TRẺ EM VÀ VAI TRÒ ĐIỀU PHỐI CỦA CHA MẸ NHẪM GẮN KẾT TRẺ EM VỚI GIA ĐÌNH

Nguyễn Thị Thu Hương

*Cục An toàn Thông tin, Bộ Thông tin Truyền thông.*

## TÓM TẮT

*Nghiên cứu này nhằm trả lời hai câu hỏi nghiên cứu: (1) Việc tiếp xúc với công nghệ và truyền thông số có thể mang lại những tác động nào đối với trẻ em, bao gồm cả ảnh hưởng đến sự kết nối gắn bó giữa trẻ em với gia đình và (2) Cha mẹ nên đóng vai trò điều phối như thế nào (và sử dụng những biện pháp gì) để giảm thiểu những tác động tiêu cực (nếu có) từ việc trẻ em tiếp xúc với công nghệ và truyền thông số. Với việc sử dụng phương pháp khảo cứu tài liệu một cách hệ thống, kết quả nghiên cứu cho thấy, việc trẻ em tương tác với công nghệ và truyền thông số tạo ra một số lợi ích, nhưng cũng đi kèm với một loạt những tác động tiêu cực nếu không được điều phối một cách hiệu quả bởi cha mẹ - những người có vai trò quan trọng trong sự phát triển và hoàn thiện của trẻ. Ngoài ra, cha mẹ có thể sử dụng một số biện pháp để điều phối sự tương tác của trẻ em với công nghệ và truyền thông số; tuy vậy, việc sử dụng biện pháp điều phối nào để có kết quả tốt nhất là chưa rõ ràng. Việc thực hiện nghiên cứu trong bối cảnh ở Việt Nam cũng được đề xuất trong bài viết này.*

**Từ khóa:** Công nghệ số; Truyền thông số; Kết nối giữa trẻ em với gia đình; Điều phối của cha mẹ.

*Ngày nhận bài: 11/3/2024; Ngày duyệt đăng bài: 25/3/2024.*

## 1. Mở đầu

Trong bất kỳ quốc gia nào, trẻ em luôn được coi là thế hệ chủ nhân tương lai, quyết định vận mệnh tồn vong của một dân tộc. Vì vậy, các em luôn nhận được sự quan tâm và đầu tư của toàn xã hội về giáo dục để phát triển toàn diện. Ở Việt Nam, Luật Trẻ em đã được Quốc hội thông qua ngày 05/05/2016 (Công thông tin điện tử Chính phủ, 2024a), có hiệu lực từ ngày 01/06/2017 dựa trên cơ sở của Công ước Liên Hiệp Quốc về Quyền trẻ em và Hiến pháp năm

2013, quy định về chính sách của Nhà nước để bảo đảm về chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, bảo đảm điều kiện vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao, du lịch và thông tin, truyền thông cho trẻ em. Như vậy, có thể thấy rằng, một trong những quyền cơ bản của trẻ em đã được quy định theo luật là được chăm sóc về giáo dục và đảm bảo về thông tin, truyền thông, cũng như được thụ hưởng những tiện ích từ việc áp dụng những thành tựu về khoa học công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực thông tin, truyền thông trong giáo dục cho trẻ em.

Theo đó, cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 đã tạo ra rất nhiều thay đổi tích cực trong hầu hết các ngành kinh tế cũng như các mặt đời sống xã hội khác, bao gồm cả ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực thông tin, truyền thông (chẳng hạn như truyền thông số) và ứng dụng trong giáo dục cho trẻ em. Trong bối cảnh này, một mặt, truyền thông số đóng vai trò quan trọng trong việc thay đổi phương thức giáo dục và giúp nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục, cũng như giúp tăng kết nối xã hội trên không gian mạng. Mặt khác, việc trẻ em tương tác với truyền thông số cũng có những mặt trái cần phải được nghiên cứu một cách thấu đáo, đặc biệt ở khía cạnh về ảnh hưởng của sự tương tác này đối với kết nối và gắn bó của trẻ em với gia đình (cụ thể là cha mẹ). Đây là một vấn đề nghiên cứu quan trọng trong lĩnh vực tâm lý học đường và giáo dục trẻ em. Cơ sở lý thuyết cho vấn đề nghiên cứu này là Lý thuyết gắn bó (Attachment theory), là một thuyết tâm lý học giải thích sự gắn bó về mặt cảm xúc trong các mối quan hệ của con người, đặc biệt là những mối quan hệ lâu dài. Thuyết này áp dụng cho cả mối quan hệ giữa bố mẹ/người nuôi dưỡng và con cái, lẫn mối quan hệ giữa các cặp đôi hay bạn đời. Thuyết Gắn bó được giới thiệu lần đầu tiên bởi nhà tâm lý học người Anh John Bowlby (Bowlby, 1969). Ông mô tả hành vi gắn bó này là “bản tính gắn kết lâu dài về mặt tâm lý của loài người”. Qua nghiên cứu của mình, Bowlby phát hiện ra rằng yếu tố quyết định sự gắn bó không chỉ là việc chăm lo chuyện ăn uống mà còn là sự quan tâm, yêu thương và trách nhiệm. Chính vì vậy, trẻ em cần phát triển mối quan hệ với ít nhất một người chăm sóc chính cho sự sống còn của chúng để chúng phát triển chức năng xã hội và cảm xúc lành mạnh. Sự kết nối và gắn bó này có thể chịu tác động của nhiều yếu tố ngoại cảnh, chẳng hạn như sự tiếp xúc với truyền thông số. Vì vậy, cha mẹ nên đóng vai trò điều phối nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực và tối đa hóa những lợi ích của việc trẻ em tiếp xúc với truyền thông số.

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xem xét hai câu hỏi nghiên cứu: (1) Việc tiếp xúc với công nghệ và truyền thông số có thể mang lại những tác động nào đối với trẻ em, bao gồm cả ảnh hưởng đến sự kết nối gắn bó giữa trẻ em với gia đình và (2) Cha mẹ nên đóng vai trò điều phối như thế nào để giảm thiểu những tác động tiêu cực (nếu có) từ việc trẻ em tiếp xúc với công nghệ và truyền thông số. Phần tiếp theo của bài viết trình bày chi tiết về phương pháp nghiên cứu và tiếp nối là những kết quả chính của khảo cứu tài liệu một cách hệ

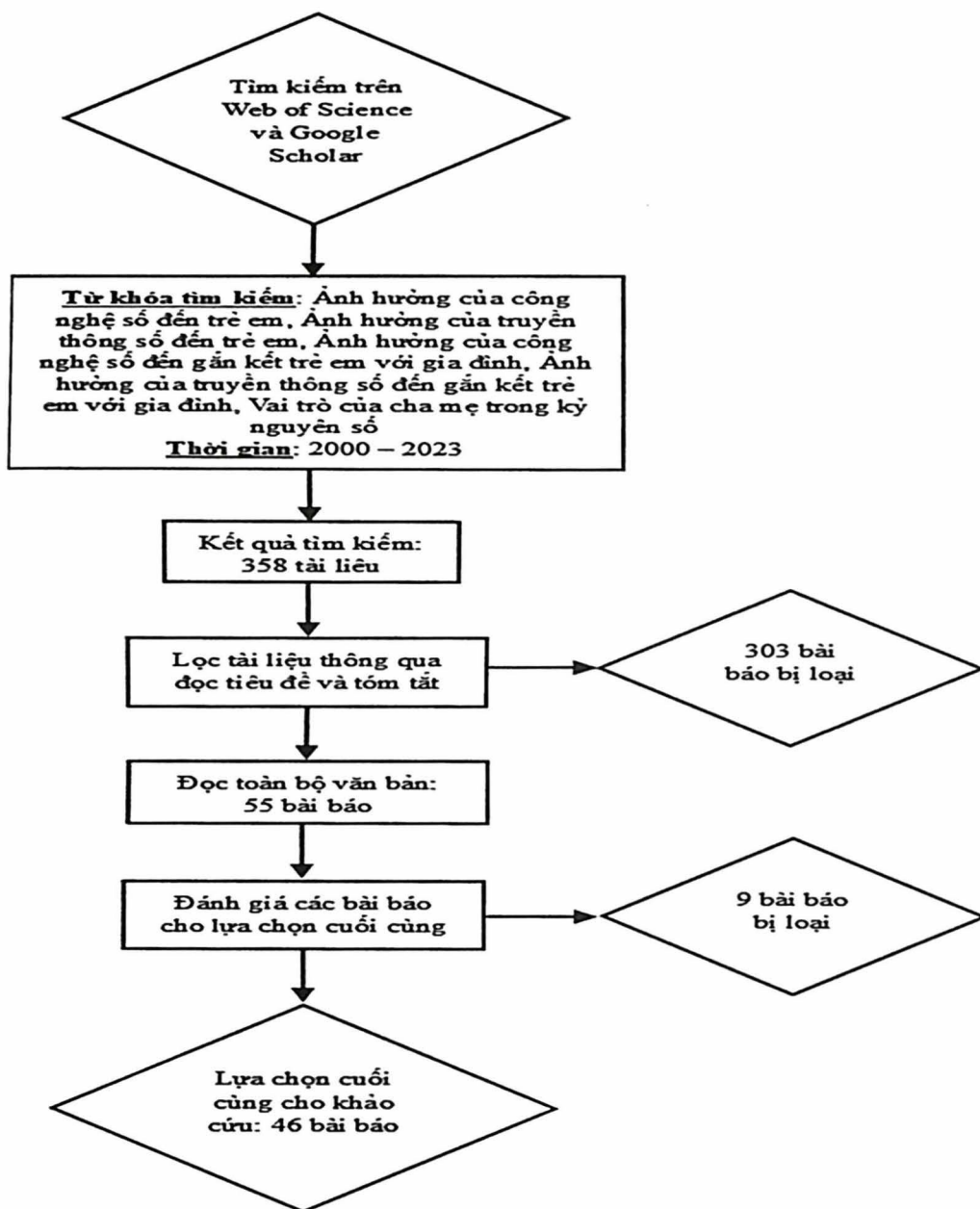
thống, nhằm tìm ra lời giải cho hai câu hỏi nghiên cứu đã đặt ra ở trên, từ những nghiên cứu cũng như lý thuyết đã có. Dựa vào những kết quả này, một số kiến nghị cho những nghiên cứu trong tương lai cũng sẽ được đề xuất trong phần kết luận.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chính được lựa chọn để thực hiện nghiên cứu này là khảo cứu tài liệu một cách hệ thống (Systematic literature review - SLR). Khảo cứu tài liệu một cách hệ thống là một phương pháp nghiên cứu khép kín để tóm tắt những đóng góp chính của các nghiên cứu khoa học được thực hiện trong một chuyên ngành, làm sáng tỏ kết quả nghiên cứu tương lai, đồng thời giảm bớt những thành kiến và sai sót. Do đó, khảo cứu tài liệu một cách hệ thống cần đáp ứng rõ ràng các câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu được thiết kế để tạo ra kiến thức trong một lĩnh vực cụ thể và nhằm vào một nhóm đối tượng cụ thể (Snyder, 2019).

Quy trình khảo cứu tài liệu một cách hệ thống được tuân thủ nghiêm ngặt, bao gồm xác định và lập kế hoạch, thực hiện, lựa chọn, tổng hợp và phân tích. Đầu tiên, quy trình đánh giá lựa chọn (hình 1), bao gồm phạm vi, cơ sở dữ liệu và tiêu chí được thiết lập trong giai đoạn xác định và lập kế hoạch. Trong nghiên cứu này, chỉ có các nghiên cứu liên quan đến hai câu hỏi khảo cứu, như đã đề cập ở phần 1, được đưa vào. Cơ sở dữ liệu được sử dụng là Web of Science và Google Scholar. Giai đoạn thứ hai liên quan đến việc tải xuống các bài viết có liên quan bằng cách sử dụng các từ khóa tìm kiếm có liên quan: Ảnh hưởng của công nghệ số đến trẻ em, Ảnh hưởng của truyền thông số đến trẻ em, Ảnh hưởng của công nghệ số đến gắn kết trẻ em với gia đình, Ảnh hưởng của truyền thông số đến gắn kết trẻ em với gia đình, Vai trò của cha mẹ trong kỷ nguyên số. Tất cả các bài viết học thuật có liên quan được xuất bản trong giai đoạn 2000 - 2023 bằng tiếng Anh và tiếng Việt đều được xem xét trong nghiên cứu này. Kết quả là đã chọn lọc được 358 tài liệu.

Trong giai đoạn lựa chọn, quá trình sàng lọc đã được tiến hành để loại trừ các tài liệu có tiêu đề trùng lặp và những bài viết không tập trung vào tác động của công nghệ, truyền thông số đến trẻ em và gắn kết với gia đình, cũng như vai trò của cha mẹ trong kỷ nguyên số. Sau khi áp dụng các tiêu chí loại trừ và đưa vào này, tổng cộng 55 bài báo đã được xác định để phân tích. Sau quá trình đọc toàn bộ bài báo, có thêm 9 bài báo bị loại trừ, dẫn đến kết quả là có 45 bài báo tiếng Anh và 1 bài báo tiếng Việt được lựa chọn để khảo cứu toàn diện. Trong giai đoạn cuối, 46 bài báo này đã được xem xét một cách có hệ thống để xác định không chỉ các chủ đề có liên quan đến 2 câu hỏi nghiên cứu mà còn chỉ rõ các cơ hội nghiên cứu trong tương lai.



*Hình 1: Quy trình đánh giá lựa chọn tài liệu cho khảo cứu một cách hệ thống*

### 3. Kết quả khảo cứu

#### 3.1. Tác động của công nghệ và truyền thông số đến trẻ em

Một trong những tác động của việc tương tác với truyền thông số đối với trẻ em, từ góc độ khoa học thần kinh, là sự ảnh hưởng của tương tác này đến một số kỹ năng quan trọng có ảnh hưởng đến tiến trình và khả năng học tập của trẻ, như sự chú ý (Jin và Lin, 2022; Tan và Zhou, 2022), khả năng ghi nhớ (Veraksa và cộng sự, 2021) và các chức năng thực hiện hoạt động (Yang và cộng sự,

2023). Ví dụ, nghiên cứu của Jin và Lin (2022) đã chỉ ra rằng, trẻ em dành nhiều thời gian sử dụng máy tính bảng có khả năng chú ý và tập trung thực hiện hoạt động chậm hơn. Một nghiên cứu gần đây của Tan và Zhou (2022) cũng đưa ra kết luận, việc tiếp xúc với màn hình các thiết bị số có nguy cơ dẫn đến sự thiếu tập trung chú ý và hiệu động thái quá cũng như bốc đồng ở trẻ em thành thị Trung Quốc. Trong khi đó, thời gian sử dụng các thiết bị kỹ thuật số (ví dụ như xem ti vi) cũng có mối liên hệ tiêu cực đến khả năng xử lý thông tin bằng lời nói của trẻ (Veraksa và cộng sự, 2021). Cũng liên quan đến mạch nghiên cứu này, kết quả nghiên cứu của Yang và cộng sự (2023) cũng chỉ ra rằng, việc sử dụng điện thoại thông minh có mối tương quan đáng kể với khả năng ghi nhớ cũng như những khó khăn của trẻ khi thực hiện một số hoạt động.

Tương tự như vậy, một loạt nghiên cứu về cách thức truyền thông số ảnh hưởng đến kỹ năng vận động cho những kết quả đa dạng. Chẳng hạn, nghiên cứu của Souto và cộng sự (2019) báo cáo rằng, việc tiếp xúc với các phương tiện truyền thông số từ tuổi ấu thơ có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển các kỹ năng vận động của trẻ. Ngược lại, nghiên cứu của Chaibal và Chaiyakul (2022) lại kết luận rằng việc sử dụng những phương tiện và thiết bị này từ thời thơ ấu lại làm suy yếu sự phát triển các kỹ năng vận động của trẻ.

Một số các nghiên cứu khác cũng báo cáo về tác động của công nghệ truyền thông số đến quá trình phát triển sức khỏe tâm thần liên quan đến rối loạn tăng động, giảm tập trung (ADHD). Kết quả nghiên cứu về vấn đề này cũng đưa ra một số mâu thuẫn. Một mặt, có những nghiên cứu tìm thấy mối quan hệ rõ ràng giữa rối loạn tăng động ở thời thơ ấu và sử dụng internet, theo đó việc trẻ em tiếp xúc lâu với màn hình thiết bị truyền thông số sẽ làm giảm khả năng chú ý (Fisher, 2023; Jin và Lin, 2022; Lin và cộng sự, 2020), làm tăng tính bốc đồng và hiệu động thái quá (Sebre và cộng sự, 2023; Tan và Zhou, 2022), đồng thời làm trầm trọng thêm các triệu chứng và biểu hiện của ADHD. Mặt khác, một nghiên cứu dài hạn gần đây lại cho thấy việc sử dụng những thiết bị này không ảnh hưởng đến tính hiếu động hoặc khả năng chú ý của trẻ (Konok và Szoke, 2022).

Một số các nghiên cứu khác cũng cho thấy việc sử dụng thiết bị truyền thông số có ảnh hưởng tiêu cực như thế nào đến quá trình học tập của trẻ em về kỹ năng đọc (Salmeron và cộng sự, 2021; Tatar và Gerde, 2022) và viết (Bonneton-Bott'e và cộng sự, 2020) khi giáo viên và gia đình chưa được hướng dẫn cách thức sử dụng chúng một cách hợp lý (Chen và cộng sự, 2021).

Ngoài ra, một loạt những nghiên cứu khác tập trung xem xét những tác động tích cực và tiêu cực của việc sử dụng điện thoại thông minh trong thời thơ ấu của trẻ em. Hầu hết các nghiên cứu này chú trọng vào những hậu quả về tinh thần, cá nhân và xã hội của việc trẻ em sử dụng quá nhiều thời gian cho màn hình điện thoại. Bắt đầu với những hậu quả tiêu cực, nhiều quốc gia đã ghi nhận xu hướng rõ ràng về việc sử dụng điện thoại thông minh một cách tiêu cực ở thời thơ ấu (Lai và cộng sự, 2022; Nakayama và cộng sự, 2020). Việc sử dụng tiêu

cực này có liên quan đến nguy cơ tiếp xúc với “phubbing” - xu thế “gần ngay trước mắt xa tận chân trời”, tức là việc làm lơ sự hiện diện của người khác trước mặt mình và chỉ tập trung vào màn hình thiết bị số (Li và cộng sự, 2022) hoặc bắt nạt (Schmuck và cộng sự, 2023), buồn ngủ ban ngày và các vấn đề liên quan đến thiếu ngủ (Chiu và cộng sự, 2022; Nathanson và Beyens, 2018) và có tác động nghiêm trọng đến sự phát triển nhận thức, cảm xúc của trẻ em ở mốc thời gian quan trọng cho sự phát triển. Hơn nữa, việc sử dụng quá nhiều điện thoại thông minh trong thời thơ ấu có liên quan đến nguy cơ cao hơn về mức độ trầm cảm, lo âu, căng thẳng (Okada và cộng sự, 2021) và trạng thái cảm xúc không được kiểm soát (Cho và Lee, 2017). Tất cả những điều này góp phần tác động lớn đến quá trình học tập và thực hành trong lớp học cũng như kết quả học tập của trẻ (Cerniglia và cộng sự, 2021; Halil, 2019).

Tuy nhiên, một số các nghiên cứu cũng cho thấy việc trẻ em tương tác với các thiết bị truyền thông số cũng mang lại một số lợi ích, đặc biệt ở khía cạnh các ứng dụng và trò chơi giáo dục giúp thúc đẩy động lực của học sinh, giúp các em tham gia đáng kể vào quá trình học tập (Hassan và Mahmud, 2015). Hơn nữa, chúng cho phép cá nhân hóa quá trình học tập, cải thiện các kỹ năng xã hội (Neumann và cộng sự, 2018; Okada và cộng sự, 2021), cho phép các cá nhân thoải mái hơn trong việc hỏi và tham gia thông qua các kênh liên lạc ảo (Furio và cộng sự, 2013). Một phát hiện nữa là khi sử dụng các thiết bị truyền thông số trong lớp học một cách thích hợp, các em sẽ cải thiện những kỹ năng liên quan đến làm việc nhóm và hợp tác (ví dụ như kết quả trong các nghiên cứu Furio và cộng sự, 2013; Thorsteinsson và Niculescu, 2012). Ngoài ra, Sergi và cộng sự (2017), Choi và cộng sự (2018) cho rằng, trong một số trường hợp nhất định, việc sử dụng các thiết bị này giúp cải thiện hiệu quả hoạt động cũng như việc sử dụng các trình tự để giải quyết vấn đề.

Kết quả khảo cứu tài liệu cũng chỉ ra rằng, mối liên hệ giữa việc sử dụng các thiết bị truyền thông số và sự kết nối, gắn bó giữa trẻ với gia đình, đặc biệt là bố mẹ, cần được nghiên cứu nhiều hơn, vì chưa có nhiều xuất bản trong lĩnh vực này. Một số nghiên cứu gần đây đã tập trung làm rõ mối liên hệ này. Ví dụ, nghiên cứu của Kamal và Arefin (2016) cho thấy, việc trẻ trong độ tuổi 16 đến 18 ở Bangladesh dành nhiều thời gian cho Facebook có liên hệ mật thiết đến mối quan hệ dễ bị tổn thương giữa cha mẹ và con cái ở tuổi vị thành niên này. Thêm vào đó, nghiên cứu gần đây của Ilvan và Ceylan (2023) đã chỉ ra rằng, nhìn chung, mối quan hệ mẹ - con có liên quan đáng kể đến xu hướng nghiện sử dụng các thiết bị truyền thông số của trẻ, theo đó, xu hướng nghiện sử dụng thiết bị số của trẻ có thể dự đoán mối quan hệ mẹ - con tiêu cực. Trong bối cảnh ở Việt Nam, một nghiên cứu gần đây cũng chỉ ra rằng việc đo lường sự tác động của việc sử dụng thiết bị số của trẻ đến các mối quan hệ gia đình vẫn còn thiếu vắng trong các nghiên cứu (Nguyen, 2017).

### ***3.2. Vai trò điều phối của cha mẹ trong tương tác giữa trẻ em và truyền thông số***

Có thể thấy, từ trình bày kết quả khảo cứu tài liệu và lý thuyết ở trên đã cho thấy việc trẻ tương tác với các thiết bị công nghệ và truyền thông số mang lại một số lợi ích, cụ thể là trong giáo dục. Tuy nhiên, các nghiên cứu cũng chỉ ra một loạt những tác động tiêu cực từ việc tương tác này ở trẻ vị thành niên. Từ góc độ khung lý thuyết gắn bó, cha mẹ có vai trò vô cùng quan trọng trong việc đồng hành và đảm bảo rằng trẻ em được nuôi dưỡng, giáo dục và phát triển một cách lành mạnh, đạt được kết quả tốt trong phát triển tâm sinh lý cũng như học tập. Chính vì vậy, có thể đặt ra giả thiết rằng, cha mẹ cũng cần đóng vai trò tích cực trong việc điều phối sự tương tác giữa trẻ và các thiết bị công nghệ và truyền thông số, nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực nêu trên.

Về khía cạnh này, đã có một loạt các nghiên cứu thể hiện quan ngại cũng như sự quan tâm đến mối quan hệ giữa phong cách nuôi dạy con cái, cách trẻ sử dụng thiết bị số trong nhà và những hậu quả mà việc này gây ra. Theo đó, có một số nghiên cứu liên quan đến việc sử dụng internet một cách tiêu cực trong thời thơ ấu do các yếu tố như phong cách nuôi dạy con cái không phù hợp (Chaibal và Chaiyakul, 2022; Cho và Lee, 2017; Sebre và cộng sự, 2023), đặc biệt là cảm giác gắn bó không an toàn, khi nhiều phụ huynh vắng mặt cũng do chính vì việc họ sử dụng các thiết bị này quá mức (Lai và cộng sự, 2022; Sebre và cộng sự, 2023). Việc sử dụng internet một cách tiêu cực cũng có liên quan đến việc sử dụng thiết bị số như một cách thức trừng phạt và khen thưởng (Eichen và cộng sự, 2021). Ngoài ra, còn có một số nghiên cứu bày tỏ lo ngại về thực tế là nhiều bậc cha mẹ dù nhận thức đầy đủ rằng con cái họ có thể bị “mắc kẹt” với các thiết bị số, lại cho phép chúng truy cập trực tuyến mà không có bất kỳ sự giám sát nào đối với nội dung chúng truy cập (Chen và cộng sự, 2021; Eichen và cộng sự, 2021; Sıkoglu và cộng sự, 2023), để giữ chúng im lặng khi họ đang làm việc nhà hoặc đang làm việc khác. Ngược lại, các nghiên cứu khác lại cho rằng, nuôi dạy con bằng tình cảm (Bae, 2015) giúp giao tiếp giữa cha mẹ và con cái tốt hơn (Park và cộng sự, 2022) và việc cho trẻ bắt đầu đi học khi còn nhỏ (Gou và Dezuanni, 2018) có liên quan đến việc giảm sử dụng các thiết bị số trong cuộc sống hàng ngày sau này.

Các học giả cũng đã thực hiện nhiều nghiên cứu nhằm xem xét cách thức mà cha mẹ sử dụng nhằm điều phối sự tương tác giữa trẻ với các thiết bị công nghệ và truyền thông số. Cụ thể, ngay từ những năm đầu khi việc sử dụng internet trở nên phổ quát, Livingstone và Helsper (2008) đã thực hiện một khảo sát với 1.511 trẻ em trong độ tuổi 12 - 17 và 906 cha mẹ ở nước Anh. Kết quả nghiên cứu của họ chỉ ra rằng, cha mẹ tham gia khảo sát đã thực hiện một loạt chiến lược, ưu tiên thực hiện các quy tắc tương tác và sử dụng đồng thời tích cực hơn là các hạn chế kỹ thuật như sử dụng bộ lọc hoặc phần mềm giám sát; tuy nhiên, những cách thức này không đồng nhất với hiệu quả của việc giảm thiểu rủi

ro. Những phát hiện này thách thức các nhà nghiên cứu trong việc xác định các chiến lược hiệu quả mà không cản trở quyền tự do tương tác của trẻ. Tiếp theo, Livingstone và cộng sự (2017) nghiên cứu 6.400 trẻ em trong độ tuổi 6 - 14 ở 8 nước châu Âu cũng chỉ ra rằng, việc áp dụng các biện pháp điều phối có tính hạn chế sử dụng internet sẽ có liên quan đến ít rủi ro trực tuyến cho trẻ hơn, nhưng việc này phải trả giá bằng chi phí cơ hội. Biện pháp này được ưa chuộng khi kỹ năng kỹ thuật số của cha mẹ hoặc trẻ thấp hơn, giúp giữ an toàn cho những đứa trẻ dễ bị tổn thương, tuy nhiên sẽ làm suy yếu sự hòa nhập kỹ thuật số của chúng. Một nghiên cứu khác trước đó của Jang và Dworkin (2014) lại cho thấy rằng, tần suất truy cập và sử dụng các trang mạng xã hội có liên quan tích cực đến báo cáo của các bà mẹ về sự gắn kết với con cái và tuổi của các bà mẹ cũng có ảnh hưởng đến sự thoải mái của họ với công nghệ cũng như gắn liền với số lượng hoạt động của họ trên các trang mạng xã hội.

Ngoài ra, nghiên cứu của mạng lưới EU Kids Online (2024) nhận thấy có năm cách thức điều phối chính của cha mẹ: điều phối tích cực (chia sẻ và thảo luận hoạt động trực tuyến), điều phối an toàn (tư vấn và hướng dẫn quản lý rủi ro), hạn chế (đưa ra các quy tắc và cấm đoán), sử dụng các biện pháp kỹ thuật (sử dụng bộ lọc, kiểm soát của cha mẹ) và giám sát (kiểm tra máy tính/phương tiện truyền thông xã hội/điện thoại sau khi sử dụng). Trong một nghiên cứu rất có ảnh hưởng gần đây về cách thức cha mẹ điều phối sự tương tác và sử dụng công nghệ và truyền thông số của trẻ ở châu Âu, Livingstone và cộng sự (2015) đã đưa ra kết luận rằng, tình trạng kinh tế - xã hội (thu nhập, trình độ học vấn) sẽ có ảnh hưởng đến (nhưng không nhất thiết quyết định) những cách thức mà cha mẹ sử dụng nhằm điều phối việc tương tác và sử dụng các thiết bị công nghệ và truyền thông số của trẻ em. Như vậy, có thể thấy, việc cha mẹ nên đóng vai trò điều phối như thế nào (và sử dụng những biện pháp gì) để giảm thiểu những tác động tiêu cực (nếu có) từ việc trẻ em tiếp xúc với công nghệ và truyền thông số là chưa rõ ràng trong những nghiên cứu trước đây.

#### **4. Kết luận và kiến nghị**

Bài viết này trình bày kết quả khảo cứu tài liệu một cách hệ thống, nhằm xem xét hai câu hỏi nghiên cứu: (1) Việc tiếp xúc với công nghệ và truyền thông số có thể mang lại những tác động nào đối với trẻ em, bao gồm cả ảnh hưởng đến sự kết nối gắn bó giữa trẻ với gia đình và (2) Cha mẹ nên đóng vai trò điều phối như thế nào (và sử dụng những biện pháp gì) để giảm thiểu những tác động tiêu cực (nếu có) từ việc trẻ em tiếp xúc với công nghệ và truyền thông số. Kết quả khảo cứu cho thấy công nghệ rõ ràng có tác động không chỉ đến các khía cạnh liên quan đến sự phát triển lành mạnh về tinh thần và thể chất mà còn góp phần xây dựng bản sắc riêng của của trẻ, một trong những cách giúp trẻ hiểu và trải nghiệm thế giới xung quanh. Việc trẻ tương tác với công nghệ và truyền thông số tạo ra một số lợi ích, nhưng cũng đi kèm với một loạt những tác động tiêu cực nếu không được điều phối một cách hiệu quả bởi cha mẹ - những người mà theo



Lý thuyết gắn bó thì có vai trò quan trọng trong sự phát triển và hoàn thiện của trẻ. Liên quan đến vấn đề này, kết quả khảo cứu cho thấy rằng, cha mẹ có thể sử dụng một số biện pháp để điều phối sự tương tác của trẻ với công nghệ và truyền thông số. Tuy vậy, việc sử dụng biện pháp điều phối nào để có kết quả tốt nhất là chưa rõ ràng. Điều này có thể phụ thuộc vào một số yếu tố như nền tảng gia đình và xã hội, cách thức nuôi dạy trẻ của cha mẹ cũng như mức thu nhập và trình độ học vấn của họ...

Trong bối cảnh ở Việt Nam, kết quả khảo cứu cho thấy chưa có nhiều nghiên cứu liên quan đến hai câu hỏi đặt ra trong bài viết này, mặc dù Chính phủ đã rất chú trọng quan tâm đến việc phát triển của trẻ em thông qua việc ban hành Luật Trẻ em 2016, cũng như áp dụng công nghệ trong mọi mặt phát triển kinh tế xã hội thông qua Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (Công thông tin điện tử chính phủ, 2024b). Chính vì vậy, việc thực hiện một nghiên cứu toàn diện nhằm đánh giá tác động của tương tác giữa trẻ em với công nghệ và truyền thông số, cũng như xem xét cách thức điều phối tương tác này một cách hiệu quả nhất là rất cần thiết.

## **Tài liệu tham khảo**

### ***Tài liệu tiếng Việt***

1. Công Thông tin điện tử Chính phủ (2024a). *Luật Trẻ em*. <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2016/05/102.signed.pdf>.
2. Công Thông tin điện tử Chính phủ (2024b). *Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*. <https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=200163>.
3. Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2017). Một số tác động của việc sử dụng thiết bị công nghệ đến mối quan hệ cha mẹ - con cái. *Nghiên cứu văn hóa*, 22, tr. 103-109. [http://dlib.huc.edu.vn/bitstream/123456789/8125/1/31.1\\_p099-105.pdf](http://dlib.huc.edu.vn/bitstream/123456789/8125/1/31.1_p099-105.pdf).
4. Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt *Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025”*. <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2021/06/830.signed.pdf>.
5. Luật số 102/2016/QH13: *Luật Trẻ em*. <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=184566>.

### ***Tài liệu tiếng Anh***

6. Bae, S. M. (2015). The relationships between perceived parenting style, learning motivation, friendship satisfaction, and the addictive use of smartphones with elementary school students of South Korea: Using multivariate latent growth modeling. *School Psychology International*, 36(5), 513-531. <https://doi.org/10.1177/0143034315604017>.

7. Bonneton-Bott'e, N., Fleury, S., Girard, N., Le Magadou, M., Cherbonnier, A., Renault, M., Anquetil, E., & Jamet, E. (2020). Can tablet apps support the learning of handwriting? An investigation of learning outcomes in kindergarten classroom. *Computers & Education, 151*. <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2020.103831>.
8. Burku, H. T., & Hope, K. G. (2022). Partnering with families to use screen time for supporting early language and literacy. *Teaching and Learning in Action, 76*(4), 439-450. <https://doi.org/10.1002/trtr.2150>
9. Bowlby, J. (1969). *Attachment and Loss, 1*, Basic Books: New York.
10. Cerniglia, L., Cimino, S., & Ammaniti, M. (2021). What are the effects of screen time on emotion regulation and academic achievements? A three-wave longitudinal study on children from 4 to 8 years of age. *Journal of Early Childhood Research, 19*(2), 145-160. <https://doi.org/10.1177/1476718X20969846>.
11. Chaibal, S., & Chaiyakul, S. (2022). The association between smartphone and tablet usage and children development. *Acta Psychologica, 228*. <https://doi.org/10.1016/j.actpsy.2022.103646>.
12. Chen, C., Chen, S., Wen, P., & Snow, C. E. (2021). Are screen devices soothing children or soothing parents? Investigating the relationships among children's exposure to different types of screen media, parental efficacy and home literacy practices. *Computers in Human Behavior, 112*. <https://doi.org/10.1016/j.chb.2020.106462>.
13. Chiu, K., Lewis, F., Ashton, R., Cornish, K., & Johnson, K. (2022). Higher tablet use is associated with better sustained attention performance but poorer sleep quality in school-aged children. *Frontiers in Psychology, 12*. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2021.742468>.
14. Cho, K. S., & Lee, J. M. (2017). Influence of smartphone addiction proneness of young children on problematic behaviors and emotional intelligence: Mediating selfassessment effects of parents using smartphones. *Computers in Human Behavior, 66*, 303-311. <https://doi.org/10.1016/j.chb.2016.09.063>.
15. Choi, G. W., Land, S. M., & Zimmerman, H. T. (2018). Investigating children's deep learning of the tree life cycle using mobile technologies. *Computers in Human Behavior, 87*, 470-479. <https://doi.org/10.1016/j.chb.2018.04.020>.
16. Eichen, L., Hackl-Wimmer, S., Waltraud, M. T., Lackner, H. K., Paechter, M., Rettenbacher, K., Romero, C., & Walter-Laager, C. (2021). Families' digital media use: Intentions, rules and activities. *British Journal of Educational Technology, 52*(6), 2162-2177. <https://doi.org/10.1111/bjet.13161>.
17. *EUKidsOnline* (2024). <http://eukidsonline.net/>.
18. Fisher, J. P. (2023). L'utilisation précoce des écrans est-elle néfaste? Une première réponse avec la cohorte elfe. [Is early use of screens harmful? A first response with the elfe cohort]. *Psychologie Française, 68*(1), 55-70. <https://doi.org/10.1016/j.psfr.2022.10.001>.
19. Furio, D., Gonzalez-Gancedo, S., Juan, M. C., Seguí, I., & Rando, N. (2013). Evaluation of learning outcomes using an educational iPhone game vs. traditional game. *Computers & Education, 64*, 1-23. <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2012.12.001>.

20. Gou, H., & Dezuanni, M. (2018). Towards understanding young children's digital lives in China and Australia. *Comunicar*, 57, 81-90. <https://doi.org/10.3916/C57-2018-08>.
21. Halil, Ç. (2019). The impact of daily habits on the physical activity levels of children aged 7-10: An investigation. *Universal Journal of Educational Research*, 7(1), 118-125. <https://doi.org/10.13189/ujer.2019.070116>.
22. Hassan, A., & Mahmud, M. (2015). Tablet technology and apps to enhance slow learners motivation in learning. *Advanced Science Letters*, 21(10), 3165-3169. <https://doi.org/10.1166/asl.2015.6521>.
23. İlvan, T. E. and Ceylan, R. (2023). Predicting preschool children's digital play addiction tendency during Covid-19 pandemic: Regarding the mother-child relationship, and child- and family-related factors. *Education and Information Technologies*, 28, 15687-15716. <https://doi.org/10.1007/s10639-023-11802-9>.
24. Jang, J. and Dworkin, J. (2014). Does social network site use matter for mothers? Implications for bonding and bridging capital. *Computers in Human Behavior*, 35, 489-495.
25. Sıkoglu, N., Erol, A., Atan, A., & Aytakin, S. (2023). A qualitative case study about overuse of digital play at home. *Current Psychology*, 42, 1676-1686. <https://doi.org/10.1007/s12144-021-01442-y>.
26. Jin, Y. R., & Lin, L. Y. (2022). Relationship between touchscreen tablet usage time and attention performance in young children. *Journal of Research on Technology in Education*, 54(2), 317-326. <https://doi.org/10.1080/15391523.2021.1891995>.
27. Kamal, S., & Arefin, M. S. (2016). Impact analysis of facebook in family bonding. *Social Network Analysis and Mining*, 6(1). <https://link.springer.com/article/10.1007/s13278-015-0314-9>.
28. Konok, V., & Szoke, R. (2022). Longitudinal associations of children's hyperactivity/inattention, peer relationship problems and mobile device use. *Sustainability*, 14, 8845. <https://doi.org/10.3390/su14148845>.
29. Lai, X., Huang, S., Nie, C., Yan, J. J., Li, Y., Wang, Y., & Luo, Y. (2022). Trajectory of problematic smartphone use among adolescents aged 10-18 years: The roles of childhood family environment and concurrent parent-child relationships. *Journal of Behavioral Addictions*, 11(2), 577-587. <https://doi.org/10.1556/2006.2022.00047>.
30. Li, Y., Mu, W., Sun, C., & Kwok, S. (2022). Surrounded by smartphones: Relationship between peer phubbing, psychological distress, problematic smartphone use, daytime sleepiness, and subjective sleep quality. *Applied Research in Quality of Life*, 18(2), 1099-1114. <https://doi.org/10.1007/s11482-022-10136-x>.
31. Lin, H. P., Chen, K. L., Chou, W., Yuan, K. S., Shih-Yin, Y., Chen, Y. S., & Chi Chow, J. (2020). Prolonged touch screen device usage is associated with emotional and behavioral problems, but not language delay, in toddlers. *Infant Behavior and Development*, 58. <https://doi.org/10.1016/j.infbeh.2020.101424>.

32. Livingstone, S., & Helsper, E. J. (2008). Parental Mediation of Children's Internet Use. *Journal of Broadcasting & Electronic Media*, 52(4), 581-599. <https://doi.org/10.1080/08838150802437396>.
33. Livingstone, S., Ólafsson, K., Helsper, E. J., Lupiáñez-Villanueva, F., Veltri, G. A. and Folkvord, F. (2017). *Maximizing opportunities and minimizing risks for children online: The role of digital*.
34. Livingstone, S., Mascheroni, G., Dreier, M., Chaudron, S. and Lagae, K. (2015). *How parents of young children manage digital devices at home: The role of income, education and parental style*. London: EU Kids Online, LSE.
35. Nakayama, H., Ueno, F., Mihara, S., Kitayuguchi, T., & Higuchi, S. (2020). Relationship between problematic Internet use and age at initial weekly Internet use. *Journal of Behavioral Addictions*, 9(1), 129-139. <https://doi.org/10.1556/2006.2020.00009>.
36. Nathanson, A. I., & Beyens, I. (2018). The relation between use of mobile electronic devices and bedtime resistance, sleep duration, and daytime sleepiness among preschoolers. *Behavioral Sleep Medicine*, 16(2), 202-219. <https://doi.org/10.1080/15402002.2016.1188389>.
37. Neumann, M. M., Merchant, G., & Burnett, C. (2018). Young children and tablets: The views of parents and teachers. *Early Child Development and Care*, 190, 1750-1761. <https://doi.org/10.1080/03004430.2018.1550083>.
38. Okada, S., Doi, S., Isumi, A., & Fujiwara, T. (2021). The association between mobile devices use and behavior problems among fourth grade children in Japan. *Psychiatry and Clinical Neurosciences*, 75(9), 286-293. <https://doi.org/10.1111/pcn.13283>.
39. Park, M., Jeong, S. H., Huh, K., Park, Y. S., Park, E. C., & Jang, S. Y. (2022). Association between smartphone addiction risk, sleep quality, and sleep duration among Korean school-age children: a population-based panel study. *Sleep Biol. Rhythms*, 20, 371-380. <https://doi.org/10.1007/s41105-022-00377-6>.
40. Salmeron, L., Delgado, P., Vargas, C., & Gil, L. (2021). Tablets for all? Testing the screen inferiority effect with upper primary school students. *Learning and Individual Differences*, 86. <https://doi.org/10.1016/j.lindif.2021.101975>.
41. Schmuck, D., Stevic, A., Matthes, J., & Karsay, K. (2023). Out of control? How parents' perceived lack of control over children's smartphone use affects children's self-esteem over time. *New Media & Society*, 25(1). <https://doi.org/10.1177/14614448211011452>.
42. Sebre, S. B., Pakalniškiene, V., Jusiene, R., Chun-Li Wu, J., Miltuze, A., Martinsone, B., & Lazdina, E. (2023). Children's problematic use of the internet in biological and social context: A one-year longitudinal study. *Journal of Child and Family Studies*. Advance online publication. <https://doi.org/10.1007/s10826-022-02527-3>.
43. Sergi, K., Gatewood Jr, R., Elder, A., & Xu, J. (2017). Parental perspectives on children's use of portable digital devices. *Behaviour & Information Technology*, 36(11), 1148-1161. <https://doi.org/10.1080/0144929X.2017.1360941>.
44. Skills in Emerging Strategies of Parental Mediation. *Journal of Communication*, 67, 82-105. Doi: 10.1111/jcom.12277.

45. Snyder, H. (2019). Literature review as a research methodology: An overview and guidelines. *Journal of Business Research*, 104, 333-339. <https://doi.org/10.1016/j.jbusres.2019.07.039>.
46. Souto, P. H., Nunes Santos, J., Ribeiro Leite, H., Hadders-Algra, M., Conceição Guedes, S., Pontes Nobre, J., Rodrigues Santos, L., & Luzia de Souza Morais, R. (2019). Tablet use in young children is associated with advanced fine motor skills. *Journal of Motor Behavior*, 52(2), 196-203. <https://doi.org/10.1080/00222895.2019.1602505>.
47. Tan, T. X., & Zhou, Y. (2022). Screen time and ADHD behaviors in Chinese children: Findings from longitudinal and cross-sectional data. *Journal of Attention Disorders*, 26(13), 1725-1737. <https://doi.org/10.1177/10870547221098181>.
48. Tatar, B. H., & Gerde, H. K. (2022). Partnering with families to use screen time for supporting early language and literacy. *The Reading Teacher*, 76(4), 439-450. <https://doi.org/10.1002/trtr.2150>.
49. Thorsteinsson, G., & Niculescu, A. (2012). Using mobile technology for problem need identification in school-aged children environment. *Studies in Informatics and Control*, 21(4), 431-438. <https://doi.org/10.24846/v21i4y201209>.
50. Veraksa, N., Veraksa, A., Gavrilova, M., Bukhalenkova, D., Oshchepkova, E., & Chursina, A. (2021). Short- and long-term effects of passive and active screen time on young children's phonological memory. *Frontiers in Education*, 6. <https://doi.org/10.3389/educ.2021.600687>.
51. Yang, Y., Zhang, L., Zeng, J., Pang, X., Lai, F., & Rozelle, S. (2013). Computers and the academic performance of elementary school-aged girls in China's poor communities. *Computers & Education*, 60(1), 335-346. <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2012.08.011>.